|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN AN LÃO**  **TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6**  ***Năm học 2022-2023***  ***Thời gian làm bài: 60 phút*** |

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụng cao**  **(TL)** |  |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | |
| **1** | **Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X** | Nhà nước Văn Lang-Âu Lạc  ( BÀI 14) | 2TN |  |  |  | **0,5 đ** |
| Các cuộc khởi tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X  ( BÀI 16) | 2TN |  |  |  | **0,5** |
| Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt. ( BÀI 17) | 2TN |  |  |  | **0,5** |
| Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X  ( BÀI 18) | 2TN | 1TL | ½ aTL | ½ b TL |  |
| ***Tổng*** | | | ***2*** | ***1,5*** | ***1*** | 0,5 | **5** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | **15%** | **1%** | **5%** | 50 |
| **Tỉ lệ chung** | | | **35** | | **15%** | | 50 |

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | | |
| **1** | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí  – Các khối khí. Khí áp và gió  – Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu  – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó | 2  (0,5đ) |  |  |  |  |  |  |  | 2 câu = 5%  = 0,5 điểm |
| **2** | NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển  – Vòng tuần hoàn nước  – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  – Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển  – Nước ngầm và băng hà | 2  (0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | 2 câu = 5%  = 0,5 điểm |
| **3** | ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT | – Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất  – Các nhân tố hình thành đất  – Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất  – Sự sống trên hành tinh  – Sự phân bố các đới thiên nhiên  – Rừng nhiệt đới | 2 (0,5đ) |  |  | 1  (1,5 đ) |  |  |  |  | 3 câu = 20%  = 2,0 điểm |
| **4** | CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN | – Dân số thế giới  – Sự phân bố dân cư thế giới  – Con người và thiên nhiên  – Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững | 2  (0,5 đ) |  |  |  |  | 1/2  (1,0 đ) |  | 1/2  (0,5đ) | 3 câu = 20%  = 2,0 điểm |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***20%*** | | ***15%*** | | ***10%*** | | ***5%*** | | **50%= 5 điểm** |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ của yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X** | **1. Nhà nước Văn Lang-Âu Lạc** | **Nhận biết**  - Trình bày được tổ chức nhà nước Văn Lang-Âu Lạc | 2TN |  |  |  |
|  |  | **2. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X** | **Nhận biết**  - Trình bày được những nét chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...) | **2TN** |  |  |  |
|  |  | **3. Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc** | **Nhận biết**  - Trình bày được những biểu hiện trong việc giữ gìn văn hoá của người Việt trong thời kì Bắc thuộc | **2 TN** |  |  |  |
|  |  | **4. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X** | **Nhận biết**  - Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương  **Thông hiểu**  - Vì sao Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa quyết chiến  **Vận dụng**  - Phân tích nét độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền. Liên hệ thực tế | **2 TN** | **1** | **1/2** | **1/2** |

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụng cao**  **(TL)** |
| **1** | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí  – Các khối khí. Khí áp và gió  – Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu  – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó | **Nhận biết**  – Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu;  – Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.  – Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.  – Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. | 2TN |  |  |  | 5% |
| **2** | NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển  – Vòng tuần hoàn nước  – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  – Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển  – Nước ngầm và băng hà | **Nhận biết**  – Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  – Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  – Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.  – Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  – Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển (khái niệm; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới). | 2TN |  |  |  | 5% |
| **3** | ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT | – Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất  – Các nhân tố hình thành đất  – Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất  – Sự sống trên hành tinh  – Sự phân bố các đới thiên nhiên  – Rừng nhiệt đới | **Nhận biết**  – Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  – Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.  – Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.  **Thông hiểu**  – Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  – Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.  **Vận dụng**  – Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.  **Vận dụng cao**  – Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | 2TN | 1 TL |  |  | 20% |
| **4** | CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN | – Dân số thế giới  – Sự phân bố dân cư thế giới  – Con người và thiên nhiên  – Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.  – Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.  – Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.  **Thông hiểu**  – Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.  **Vận dụng**  – Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người (tác động đến đời sống sinh hoạt của con người; tác động đến sản xuất).  **Vận dụng cao**  – Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất (tác động tích cực; tác động tiêu cực).  – Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. | 2TN |  | 1 TL (a) | 1 TL(b) | 20% |
| ***Số câu/Loại câu*** | |  |  | ***8TN*** | ***1TL*** | ***1TL (a)*** | ***1TL(b)*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ %** | |  |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50** |

**C. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng trong mỗi câu sau và điền kết quả vào bảng.**

*( Mỗi câu trả lời đúng được tính 0,25 điểm)*

**Câu 1. Thời Văn Lang, người đứng đầu liên minh 15 bộ là**

A. Lạc hầu. B. Lạc tướng. C. Bồ chính. D. Hùng Vương.

**Câu 2**.  **Năm 208 TCN, Thục Phán lên làm vua, xưng là An Dương Vương, lập ra nhà nước**

A. Văn Lang. B. Âu Lạc. C. Chăm- pa. D. Phù Nam.

**Câu 3.** **Sau khi cuộc khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc suy tôn làm vua, Bà chọn đóng đô ở đâu?**

A. Mê Linh (Hà Nội ngày nay). B. Đường Lâm (Sơn Tây).

C. Triệu Sơn- Thanh Hóa. D. Vạn An (Nghệ An).

**Câu 4.** **Sự ra đời của Nhà nước Vạn Xuân gắn với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào?**

A. Khởi nghĩa Bà Triệu. B. Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan.

C. Khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ. D. Khởi nghĩa của Lý Bí.

**Câu 5.** **Tín ngưỡng truyền thống nào vẫn được người Việt duy trì trong suốt thời kì Bắc thuộc?**

A. Thờ cúng tổ tiên. C. Thờ đức Phật. B. Thờ thần tài. D. Thờ thánh A-na.

**Câu 6*.*Trong suốt thời kì Bắc thuộc, người Việt vẫn nghe và nói hoàn toàn bằng tiếng**

A. tiếng Hán. B. tiếng Việt. C. tiếng Anh. D. tiếng Thái.

**Câu 7.** **Ai là người xưng là tiết độ sứ năm 905**?

A. Khúc Hạo. B. Dương Đình Nghệ. C. Khúc Thừa Dụ. D. Ngô Quyền.

**Câu 8.** **Chiến thắng nào đã chấm dứt vĩnh viễn thời kì Bắc thuộc và mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc Việt Nam?**

A. Trận chiến trên sông Như Nguyệt (1077). B. Chiến thắng Bạch Đằng (938).

C. Chiến thắng Bạch Đằng (981). D. Trận chiến tại Đông Bộ Đầu (1258).

**Câu 9.** **Đới nóng nằm trong khoảng phạm vi:**

**A. từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam B. từ hai đường chí tuyến đến hai vòng cực**

**C. từ hai vòng cực đến hai cực D. từ hai đường chí tuyến đến hai cực**

**Câu 10.** Khối khí hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao là:

1. khối khí lạnh B. khối khí nóng C. khối khí đại dương D. khối khí lục địa

**Câu 11.** Chi lưu là:

A. các con sông đổ nước vào con sông chính và sông phụ.

B. diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông.

C. các con sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính.

D. lượng nước chảy tạo ra mặt cắt ngang lòng ở con sông.

**Câu 12.**  **Đại dương lớn nhất trên Trái Đất là:**

A. Đại Tây Dương. B. Thái Bình Dương.

C. Ấn Độ Dương. D. Bắc Băng Dương.

**Câu 13.** Các thành phần chính của đất là

A. cơ giới, không khí, hạt khoáng và mùn.

B. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.

C. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

D. không khí, nước, chất hữu cơ và hạt khoáng.

**Câu 14.** **Loại đất điển hình của vùng nhiệt đới là**

A. Đất Fe-ra-lit đỏ vàng. C. Đất đen và xám.

B. Đất pôt-dôn. **D. Đất đồng rêu.**

**Câu 15.** Dân cư thường tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

A. Miền núi. B. Vùng đồng bằng, ven biển.

C. Các thung lũng. D. Hoang mạc và vùng cực.

**Câu 16.** Thành phố có số dân đông nhất Thế giới năm 2018 là:

A. To-ky-ô B. Thượng Hải C. Cai-rô D. Mum- bai

**II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 1***( 1,5 điểm)***:**

Tại sao Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán?

**Câu 2:** *( 1,5 điểm)*

Phân tích nét độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền?Để tưởng nhớ công lao của Ngô Quyền nhân dân ta đã làm gì?

**Câu 3:** *(1,5 điểm)*Em hãy trình bày ảnh hưởng đến sự hình thành đất củacác nhân tố: đá mẹ, khí hậu, sinh vật?

**Câu 4.** *(1,5 điểm)*

a. Giữa con người và thiên nhiên luôn có mối quan hệ khăng khít, môi trường triên nhiên luôn cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Vậy thiên nhiên tác động như thế nào đến sản xuất của con người? ( 1,0 điểm)

b. Nêu ý nghĩa của việc con người khai thác và sử dụng thông minh các tài nguyên thiên nhiên để tồn tại và phát triển? ( 0,5 điểm )

**D. ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II:**

**I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **D** | **B** | **A** | **D** | **A** | **B** | **C** | **B** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | A | B | C | B | D | A | B | A |

**II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  *(1,5 điểm)* | - Sông Bạch Đằng chảy giữa thị xã Quảng Yên( Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên( Hải Phòng).  - Đây là con đường thủy tốt nhất để đi vào nước ta. Mực nước vùng cửa sông lúc thủy triều cao nhất và thấp nhất chênh nhau tới 2- 3m.  - Địa hình xung quanh có nhiều cồn gò, bãi, đầm lầy...giúp bố trí lực lượng quân thủy, bộ cùng chiến đấu chặn giặc. | **0,5**  **0, 5**  **0,5** |
| **2**  *(1,5 điểm)* | **a.** Nét độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền.*(****1,0 điểm)***  - Tận dụng địa thế tự nhiên hiểm trở của sông Bạch Đằng để xây dựng trận địa tấn công giặc.  - Sáng tạo ra cách sử dụng các cọc ngầm và quy luật lên – xuống của con nước thủy triều để bố trí trận địa chiến đấu.  - Tổ chức, bố trí và sử dụng các lực lượng hợp lý, linh hoạt để tiêu diệt quân địch:  + Bố trí các cánh quân bộ binh mai phục ở 2 bên bờ sông.  + Sử dụng các chiến thuyền nhỏ, nhẹ để nghi binh, lừa địch. | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **b. Liên hệ *( 0,5 điểm)***  - Để tưởng nhớ công lao của ông nhân dân ta đã lập đền thờ, tạc tượng ở thôn Cam Lâm, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây.  - Đặt tên trường học, đường phố mang tên ông. | **0,25**  **0,25** |
| **3** | **Ảnh hưởng của các nhân tố hình thành đất**  - Đá mẹ: nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng, quy định màu sắc, tính chất của đất.  - Khí hậu: tạo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn cho quá trình phân giải các chất khoáng, chất hữu cơ trong đất  - Sinh vật: Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ, là nhân tố trong quá trình phong hóa đá mẹ.  - Địa hình: ảnh hưởng tới độ dày của tầng đất và độ phì của đất.  -Thời gian: Trong cùng 1 điều kiện hình thành như nhau, nơi có thời gian hình thành lâu hơn sẽ có tầng đất dày hơn. | 0,3  0,3  0,3  0,3  0,3 |
| **4** | **a. Thiên nhiên tác động như thế nào đến sản xuất**  - Tích cực:  Vd: + Điều kiện tự nhiên thuận lợi: dân cư đông đúc  + Tài nguyên thiên nhiên phong phú: thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh tế.  - Hạn chế:  Vd: + Thiên tai  + Tài nguyên  **b. Ý nghĩa của việc khai thác và sử dụng thông minh các tài nguyên thiên nhiên**  Vd: + Khai thác khoáng sản hợp lí, tiết kiệm, có kế hoạch, ….  + Sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...)  + Sử dụng sức nước làm chạy tua pin tạo điện (thuỷ điện, …)  ***\* Khai thác đi đôi với việc sử dụng khoa học công nghệ***  Vd:  - Sản xuất được các sản phẩm trái mùa,…  - Ươm và trồng cây ôn đới thành công trên vùng đất có khí hậu nóng; ...  - Lai tạo giống cây trồng vật nuôi cho năng suất cao vượt trội, kháng bệnh tốt …. | 0,5  0,5  0,5 |

**----------------------------------------------**